

huá yǔ dì yī cè dì wǔ kè
华语第一册第五课A



tīng tīng kàn zài tián rù shēng zì bù jiàn chéng zì
*听听看，再填入生字部件成字。

Listen and assemble each Chinese character.

之 那 白 文 这 卩 的 竹 勺 笔 毛 月

 1		+		=	
 2		+		=	
 3		+		=	
 4		+		=	

tīng tīng kàn zài lián lián kàn
*听听看，再连连看。 Listen and connect to the corresponding word and picture.

 1	☆	☆		☆	☆	这
 2	☆	☆		☆	☆	那
 3	☆	☆		☆	☆	笔
 4	☆	☆		☆	☆	书